

PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ cho 13 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy cấp nước Lợi Hải (đợt 1)

Địa điểm dự án: xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

(Kèm theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của Ủy ban nhân dân huyện)

I. Căn cứ pháp lý.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2025 và Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 370/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Thuận Bắc; Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Thuận Bắc;

Căn cứ Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2025 và Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Danh mục các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận: Quyết định số 99/2024/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 83/2024/QĐ-UBND ngày 17/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định Đơn giá nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 07/2025/QĐ-UBND ngày 23/01/2025 của Ủy ban nhân

dân tỉnh về ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định 103/2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về việc Kéo dài thời hạn áp dụng và sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 và Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 01/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Nhà máy cấp nước Lợi Hải; Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ, dự toán kinh phí và KHLCNT tư vấn xác định giá đất cụ thể đối với 19 hộ gia đình, cá nhân (53 thửa đất) để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Nhà máy cấp nước Lợi Hải, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc;

Căn cứ Quyết định số 144/QĐ-CET ngày 14/4/2025 của Công ty cổ phần tư vấn Thiết bị và Dịch vụ Kỹ thuật về việc phê duyệt hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng Nhà máy cấp nước Lợi Hải;

Theo các Thông báo thu hồi đất ngày 22/7/2024 của UBND huyện Thuận Bắc về việc ban hành thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Nhà máy cấp nước Lợi Hải;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Nhà máy cấp nước Lợi Hải, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận;

Theo Biên bản họp ngày 16/4/2025 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện về Kết thúc niêm yết công khai phương án và bảng áp giá chi tiết về bồi thường, hỗ trợ của 13 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nhà máy cấp nước Lợi Hải, trên địa bàn xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc.

Ủy ban nhân dân huyện ban hành Phương án bồi thường, hỗ trợ cho 13 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Nhà máy cấp nước Lợi Hải, xã Lợi Hải (đợt 1) như sau:

II. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

1. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gồm:

a. Tổng diện tích thu hồi: 35.081,3m², trong đó:

- Bồi thường đất ở: Không có.

- Bồi thường đất nông nghiệp của 13 hộ gia đình, cá nhân: 32.828,9m², trong đó:

- + Đất trồng lúa nước còn lại: 32.474,0 m²;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 354,9 m².
- Đất do UBND xã quản lý: 2.252,4 m²:
 - + Đất sông, ngòi, kênh rạch (SON): 271,6 m²;
 - + Đất Giao thông (DGT): 1.460,3 m²;
 - + Đất Thủy lợi (DTL): 520,5 m².

b. Tổng số người có bị thu hồi đất: 13 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức (có danh sách kèm theo).

c. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Theo quy định tại Điều 14 Quyết định số 99/2024/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

d. Phương án bố trí tái định cư: Số hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư, các khu tái định cư, địa điểm khu tái định cư, hình thức tái định cư (bằng đất, bằng nhà ở): Không có trường hợp nào đủ điều kiện bố trí tái định cư.

đ. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Không có.

e. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi (nếu có): Không có.

g. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bao gồm:

- Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, xác định giá đất cụ thể: 9.466.992.522 đồng (*Chín tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm hai mươi hai đồng*);

- Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: UBND huyện phê duyệt dự toán (*theo quy định tại Điều 27 Nghị định 88/2024/NĐ-CP*);

- Chi phí khác: Không có.

h. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Quý II năm 2025.

i. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản (*Đính kèm Bảng tổng hợp, áp giá chi tiết, phương án chi tiết*).

k. Các nội dung khác liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có).

2. Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản quy định tại điểm i khoản 1 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ gồm các nội dung sau:

a. Họ và tên, số định danh cá nhân, địa chỉ (nơi thường trú và nơi ở hiện nay), số điện thoại của người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản: Kèm theo Phương án chi tiết và Bảng tổng hợp, áp giá chi tiết từng hộ.

b. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi: Kèm theo Biên bản họp Hội đồng tư vấn đất đai của xã Lợi Hải ngày 07/02/2025; Thông báo niêm yết công khai nguồn gốc đất ngày 10/02/2025; Biên bản kết thúc niêm yết công khai nguồn gốc đất ngày 18/02/2025 của 13 hộ gia đình, cá nhân, và 01 tổ chức.

c. Loại tài sản, số lượng, khối lượng tài sản; chất lượng còn lại của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại:

- Có hộ ông Kator Bảo có tài sản công trình trên đất: Đào ao, đào mương đất cấp 2 Bằng máy ($354,9m^2 * 2,5m$).

d. Giá đất và tài sản tính bồi thường:

- Giá đất bồi thường: Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án Nhà máy cấp nước Lợi Hải, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận;

- Tài sản tính bồi thường: Đào ao, đào mương đất cấp 2 Bằng máy ($354,9m^2 * 2,5m$).

đ. Các khoản hỗ trợ: hỗ trợ ổn định đời sống (số nhân khẩu được hỗ trợ, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ); hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh; hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ); hỗ trợ tái định cư; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời; các khoản hỗ trợ khác (nếu có):

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ ông Kator Bảo: Tổng diện tích thu hồi (70,6%), 11 nhân khẩu, mức hỗ trợ, thời gian 12 tháng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ bà Taing Thị Xôm: Tổng diện tích thu hồi (96,4%), 12 nhân khẩu, mức hỗ trợ, thời gian 12 tháng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ bà Taing Thị Ngính: Tổng diện tích thu hồi (100%), 7,0 nhân khẩu, mức hỗ trợ, thời gian 12 tháng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ bà Charao Thị Lớn: Tổng diện tích thu hồi (100%), 4,0 nhân khẩu, mức hỗ trợ, thời gian 12 tháng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ bà Charao Thị Quyên: Tổng diện tích thu

hồi (61,1%), 4,0 nhân khẩu, mức hỗ trợ, thời gian 6 tháng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ ông Charao Cú: Tổng diện tích thu hồi (33,6%), 7,0 nhân khẩu, mức hỗ trợ, thời gian 6 tháng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ ông Tapur Ná: Tổng diện tích thu hồi (31,8%), 9,0 nhân khẩu, mức hỗ trợ, thời gian 6 tháng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ ông Jắc Dũng: Tổng diện tích thu hồi (12,3%), 6,0 nhân khẩu, mức hỗ trợ, thời gian 3 tháng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ bà Kator Thị Óech: Tổng diện tích thu hồi (100%), 6,0 nhân khẩu, mức hỗ trợ, thời gian 12 tháng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ bà Chamaléa Thị Khanh: Tổng diện tích thu hồi (100%), 4,0 nhân khẩu, mức hỗ trợ, thời gian 12 tháng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ bà Chamaléa Thị Tiếng: Tổng diện tích thu hồi (96,8%), 5,0 nhân khẩu, mức hỗ trợ, thời gian 12 tháng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ ông Eamaxít Phương: Tổng diện tích thu hồi (34,5%), 6,0 nhân khẩu, mức hỗ trợ, thời gian 6 tháng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ ông Eamaxít Nghiêm: Tổng diện tích thu hồi (9,5%), 5,0 nhân khẩu, mức hỗ trợ, thời gian 3 tháng.

- Hỗ trợ ổn định sản xuất kinh doanh: Không có.

- Hỗ trợ di dời vật nuôi: Không có.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (diện tích đất hỗ trợ, giá đất hỗ trợ): Hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi trong địa giới hành chính xã thuộc huyện được hỗ trợ bằng **03 (ba)** lần giá đất nông nghiệp cùng loại theo bảng giá đất do cơ quan có thẩm quyền quyết định (*Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Quyết định số 99/2024/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh*).

+ Có 13 hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm.

- Hỗ trợ tái định cư: Không có.

- Hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời: Không có.

- Các khoản hỗ trợ khác (nếu có): Không có.

e. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: tiền bồi thường về đất, tiền bồi thường tài sản, tiền bồi thường chi phí di chuyển tài sản, tiền bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, tiền hỗ trợ:

- Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, xác định giá đất cụ thể: 9.466.992.522 đồng (*Chín tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi hai ngàn, năm trăm hai mươi hai đồng*), trong đó:

+ Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất:	2.171.264.400 đồng;
+ Kinh phí bồi thường về nhà, vật kiến trúc:	37.087.050 đồng;
+ Kinh phí bồi thường về hoa màu, cây trồng:	219.595.200 đồng;
+ Kinh phí các khoản hỗ trợ:	6.889.084.200 đồng;
+ Kinh phí khen thưởng:	62.500.000 đồng;
+ Kinh phí xác định giá đất cụ thể theo Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 05/9/2024 của UBND huyện Thuận Bắc:	87.461.672 đồng.

(*Kèm theo bảng áp giá chi tiết và bảng tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ và phương án chi tiết của 13 hộ gia đình, cá nhân và 01 tổ chức*).

g. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không có.

h. Vị trí, diện tích đất khi giao đất, cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho tổ chức; cho thuê đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không có.

i. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân (nếu có): Không có.

k. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có): Không có.

l. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ được nhận sau khi đã trừ đi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp vào số tiền được bồi thường về đất (nếu có): Không có.

m. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư (nếu có): Không có.
